

Bản án số: 04/2020/DS-ST

Ngày 17-01-2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hào

2. Ông Phan Quang Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 123/2019/TLST-DS ngày 22/8/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Tổng Thị S**, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn 02, xã P V, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước “*có mặt*”

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hồng Th**, sinh năm 1966 và bà **Phạm Thị Hồng M**, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn 03, xã P V, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước “*đều vắng mặt*”

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông **Phạm Văn N**, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn 02, xã P V, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước “*có mặt*”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Tổng Thị S trình bày đơn tại khởi kiện; tại các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay như sau:

Do có quan hệ quen biết nên vào khoảng năm 2015 vợ chồng tôi có cho vợ chồng ông Th, bà M vay số tiền gốc 80.000.000 đồng. Khi vay có viết giấy tay và ông Th, bà M ký tên vào giấy. Khi đó có thỏa thuận tính lãi suất nhưng chúng tôi không nhớ rõ là bao

nhiều, chỉ nhớ hàng tháng ông Th, bà M có trả tiền lãi cho chúng tôi là 1.000.000 đồng. Thời hạn vay vài tháng, nhưng đến hạn ông Th, bà M không trả tiền nên vào ngày 22/11/2017 âm lịch chúng tôi và ông Th, bà M thống nhất lập lại giấy vay mới, ông Th là người viết giấy “giấy gia hạn nợ” và ông Th, bà M ký tên vào giấy, hạn trả vào cuối tháng 5/2018 tức vào ngày 30/5/2018 sẽ trả, tiền lãi cũng thống nhất 1.000.000 đồng/tháng chứ không tính là bao nhiêu %. Tuy nhiên từ ngày lập lại giấy vay này thì ông Th, bà M không thực hiện trả lãi hàng tháng, và từ tháng 5/2018 cho đến nay chưa trả cho chúng tôi được số tiền vay gốc và tiền lãi suất. Tại buổi hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã P V, ông Th có đồng ý trả cho chúng tôi số tiền 80.000.000 đồng trong vòng 01 năm và trả lãi 03 tháng 01 lần nhưng ông Th, bà M không thực hiện.

Nay tôi yêu cầu ông Th, bà M phải trả cho tôi số tiền vay gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/6/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ án theo mức lãi suất 0,83%.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn N trình bày tại phiên tòa:

Ông N thống nhất như nội dung trình bày và phần yêu cầu của vợ ông là bà S, không thay đổi, bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản do nguyên đơn bà Tống Thị S thực hiện quyền khởi kiện. Vì bị đơn ông Nguyễn Hồng Th, bà Phạm Thị Hồng M cư trú tại thôn xã P V, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng Th, bà Phạm Thị Hồng M vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Th, bà M vẫn vắng mặt trong các lần làm việc. Tại phiên tòa hôm nay ông Th, bà M vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Th, bà M.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tống Thị S yêu cầu bị đơn ông Th, bà M trả số tiền gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/6/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ án theo mức lãi suất 0,83%.

Yêu cầu khởi kiện được bà S chứng minh qua lời trình bày của mình có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa; đồng thời phù hợp với chứng cứ của việc vay tiền đó là “giấy gia hạn nợ” đề ngày 22/11/2017.

Căn cứ “giấy gia hạn nợ” đề ngày 22/11/2017 là bản gốc, có chữ ký và viết họ tên của người vay ông Th, bà M thể hiện sự tự nguyện giao kết hợp đồng vay với bà S để vay

số tiền 80.000.000 đồng. Giấy vay được người khởi kiện bà S cung cấp, không bị xé bỏ, gạch xóa. Do đó đây là căn cứ chứng minh về việc vay tiền giữa các đương sự. Do đó có căn cứ xác định việc Th, bà M xác lập hợp đồng vay với bà S là có thật. Do đó cần buộc ông Th, bà M có nghĩa vụ trả lại bà S số tiền gốc 80.000.000 đồng.

[4] Về yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn:

Đây là hợp đồng vay có thời hạn, tuy nhiên tại giấy vay không thể hiện có tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử xác định là hợp đồng không có lãi. Nguyên đơn bà S yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/6/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ án theo mức lãi suất 0,83% là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Tiền lãi chậm trả như sau: Từ ngày 01/6/2018 đến 17/01/2020 là 19 tháng 16 ngày $\times 0,83\% \times 80.000.000$ đồng = 12.970.133 đồng.

Tổng cộng tiền vay gốc và tiền lãi bị đơn ông Th, bà M phải trả cho bà S là 92.970.133 đồng

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà S buộc ông Th, bà M có nghĩa vụ trả cho bà S số tiền 80.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 436, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tống Thị S.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Hồng Th, bà Phạm Thị Hồng M có nghĩa vụ liên đới trả số tiền tổng cộng 92.970.133 đồng (Chín mươi hai triệu chín trăm bảy mươi nghìn một trăm ba mươi ba đồng) cho bà Tống Thị S, ông Phạm Văn N.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Là 4.648.500 đồng (Bốn triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng) ông Th, bà M phải liên đới chịu.

Trả lại nguyên đơn bà S số tiền tạm ứng án phí 2.375.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019932 ngày 22/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THA huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Hải Ly